

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2018

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thu Trang..

2- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Việt T, sinh năm 1976.

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Việt T trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C cưới nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị C có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh đã phát hiện và đã khuyên ngăn nhưng chị C không nghe mà vẫn tiếp tục quan hệ, hiện nay chung sống như vợ chồng, từ đó vợ chồng đã ly thân

với nhau cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Phạm Chí N, sinh ngày 24/11/2000, hiện nay cháu đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 08 công đất ruộng tầm 3m, đã có giấy chứng nhận QSD đất do anh đứng tên và 01 căn nhà ngang 4,9m, chiều dài 12m. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh tự nguyện để lại toàn bộ cho con là Nguyễn Chí N sau này nhưng anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị thừa nhận theo lời trình bày của anh T về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và phần nợ nêu trên là hoàn toàn đúng.

Theo yêu cầu của anh T thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Phạm Việt T.

Về con chung: Chị đồng ý giao con là Phạm Chí N cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị thống nhất theo ý kiến của anh T là đồng ý giao lại cho con là Phạm Chí N 08 công đất ruộng tầm 3 mét và 01 căn nhà, nhưng để vợ chồng thỏa thuận mà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Việt T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của đại diện viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Giao cháu Phạm Chí N, sinh ngày 24/11/2000 cho anh Phạm Việt T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau như vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị C là không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C có 01 đứa con là Phạm Chí N, sinh ngày 24/11/2000. Anh T và chị C tự thỏa thuận là giao cháu Phạm Chí N cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Châu không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, hơn nữa anh T cũng có đủ điều kiện để nuôi con và cũng theo nguyện vọng của cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị C là giao cháu Phạm Chí N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C thừa nhận vợ chồng có 08 công đất ruộng tầm 3 mét và 01 căn nhà hiện anh T đang quản lý. Anh T và chị C tự thỏa thuận với nhau là giao lại toàn bộ cho con là Phạm Chí N sau này nên không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C thừa nhận không có nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Phạm Việt T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001428, ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C là giao cháu Phạm Chí N, sinh ngày 24/11/2000 (theo

nguyện vọng của cháu N) cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị C có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T và chị C có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C tự thỏa thuận mà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Việt T và chị Nguyễn Thị C thừa nhận không có nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Phạm Việt T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001428, ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh T và chị C có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/4/2018).

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tâm

